

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2019/KDTM-PT
Ngày: 19/7/2019
V/v tranh chấp: “Hợp đồng bảo hiểm”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH T**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Đạt

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Hiếu

Bà Trần Thị Thu Hằng

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Lê Lộc – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh T tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh T xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 09/2019/TLPT-KDTM ngày 09 tháng 4 năm 2019 về việc tranh chấp: “Hợp đồng bảo hiểm”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 13/2018/KDTM-ST ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 214/2019/QĐ-PT ngày 30 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Hợp tác xã dịch vụ vận tải Th;

Người đại diện theo pháp luật: Trần Văn U – Chức vụ: Chủ nhiệm hợp tác xã.

Địa chỉ: Số 204, Nguyễn Chí Thanh, phường H, thành phố T, tỉnh B.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Cổ Tùng S, sinh năm 1974; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 3, xã T, thị xã C, tỉnh T

- Bị đơn: Công ty cổ phần Bảo hiểm A;

Người đại diện theo pháp luật: Stephen C B – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Địa chỉ: Số 117-119, Lý Chính Thắng, Phường 7, Quận 3, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Lê S Ph – Trưởng bộ phận Quản lý rủi ro, tuân thủ và kiểm toán. (Có mặt)

Theo văn bản ủy quyền số 83/2017/UQ-A ngày 09 tháng 8 năm 2017.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty cổ phần Bảo hiểm A– Chi nhánh T

Người đại diện theo pháp luật: Bùi Minh Đ – Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: Số 75/2, Lê Thị Hồng Gấm, Phường 6, thành phố M, tỉnh T.

Người đại diện theo ủy quyền: Lê S Ph – Trưởng bộ phận Quản lý rủi ro, tuân thủ và kiểm toán. (Có mặt)

Theo văn bản ủy quyền ngày 14 tháng 02 năm 2019.

2. Cổ Tùng S, sinh năm 1974; (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 3, xã T, thị xã C, tỉnh T.

3. Công ty cổ phần sản xuất thương mại dịch vụ Thành Đ;

Người đại diện theo pháp luật: Lê Ngọc D – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Địa chỉ: Lô 30A5-3, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường T, quận B, thành phố C

Đại diện theo ủy quyền : Ông Trương Thành Q, sinh năm 1964; (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 89 Biệt thự Vạn Phát, KV3, phường C, Quận N, thành phố C.

Theo văn bản ủy quyền ngày 19 tháng 11 năm 2018.

- *Người kháng cáo*: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Công ty cổ phần Bảo hiểm A – Chi nhánh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm,

Nguyên đơn – Hợp tác xã dịch vụ vận tải Th trình bày:

Ngày 08/5/2017, Hợp tác xã dịch vụ vận tải Th (HTX Th) có tham gia mua bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của xe ô tô đầu kéo – rơ moóc mang biển kiểm soát 61C-206.90, thời hạn bảo hiểm từ ngày 08/5/2017 đến ngày 08/5/2018 do Công ty cổ phần Bảo hiểm A – Chi nhánh T (Công ty A) bán, mức bồi thường trách nhiệm dân sự về tài sản đối với người thứ ba là 100.000.000 đồng/1 vụ tai nạn.

Vào tháng 10/2017, HTX Th có vận chuyển hàng cho Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng Thanh Hà, địa điểm vận chuyển từ Quảng Bình về thành phố Cần Thơ để giao cho Công ty cổ phần sản xuất thương mại dịch vụ Thành Đ (Công ty Thành Đ) nên hợp tác xã đã điều chiếc xe container mang biển số kiểm soát 61C-206.90 do anh Cổ Tùng S điều khiển.

Đến 12 giờ 10 phút, ngày 28/10/2017 anh S đã điều khiển xe về đến nhà kho của Công ty Thành Đ để giao hàng theo hợp đồng vận chuyển, khi anh S lùi xe vào nhà kho để xuống hàng hóa do bất cẩn để phần đuôi xe đụng trực diện vào giá đỡ kính cường lực trong nhà kho, do cú va chạm mạnh làm giá đỡ kính bị đẩy lùi về phía sau đụng vào kiện hàng kính thường làm cho kính cường lực trên giá đỡ và kính thường trong kiện hàng bị vỡ toàn bộ.

Sau khi xảy ra tai nạn, tài xế giữ nguyên hiện trường, đồng thời gọi điện thoại qua đường dây nóng trình báo vụ tai nạn cho Công ty A và được hướng dẫn tài xế chụp lại hình ảnh hiện trường vụ tai nạn, trình báo cảnh sát giao thông và giữ nguyên hiện trường chờ giám định viên của Công ty A đến giám định tài sản bị thiệt hại của vụ tai nạn trên.

Theo hướng dẫn của Công ty A, tài xế đã trình báo vụ tai nạn và yêu cầu Cảnh sát giao thông quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ lập biên bản hiện trường. Cảnh sát giao thông quận Bình Thủy từ chối lập biên bản vụ tai nạn nêu trên với lý do vụ tai nạn xảy ra ở nhà kho của công ty tư nhân, không nằm tuyến trục lộ giao thông nên không thuộc thẩm quyền của Cảnh sát giao thông giải quyết. Sau đó, tài xế báo lại sự việc cho Công ty A thì tài xế được hướng dẫn trình báo với Công an phường Trà Nóc đến giữ hiện trường chờ giám định viên Công ty A đến để giải quyết. Cùng ngày thì giám định viên Công ty A kết hợp với Công an phường Trà Nóc xác định nguyên nhân xảy ra tai nạn, tiến hành ghi lại hình ảnh vụ tai nạn, lập biên bản hiện trường và tiến hành giám định tài sản thiệt hại với số tiền 124.757.185 đồng.

Ngày 01/11/2017, HTX Th giao đủ số tiền cho anh Cổ Tùng S để bồi thường thiệt hại cho Công ty Thành Đ. Việc giao nhận tiền có Công an phường Trà Nóc chứng kiến xác nhận ký tên đóng dấu. Đồng thời HTX Th làm thủ tục đề nghị Công ty A bồi thường thiệt hại theo giấy chứng nhận bảo hiểm với mức bồi thường thiệt hại tài sản của bên thứ ba là 100.000.000 đồng.

Ngày 31/01/2018, Công ty A có công văn số 0206/2018/CV-A/BTTT thông báo kết quả giải quyết không đồng ý chi trả tiền chi trả bồi thường bảo hiểm cho HTX Th với lý do Công ty A cho rằng kính xây dựng của Công ty Thành Đ là chủ hàng và chủ xe 61C-206.90 là người vận chuyển. Trách nhiệm phát sinh từ việc gây thiệt hại hàng hóa – kính xây dựng là trách nhiệm bồi thường của quý khách đối với hàng hóa của chủ hàng và không phải trách nhiệm bồi thường thiệt hại của quý khách đối với thiệt hại bên thứ ba, vì vậy không thuộc phạm vi bồi thường bảo hiểm.

Nhận thấy Công ty A trả lời không đồng ý bồi thường theo giấy chứng nhận bảo hiểm là thoái thác trách nhiệm, trốn tránh thực hiện nghĩa vụ bồi thường thiệt hại tài sản của bên thứ ba theo giấy chứng nhận bảo hiểm mà Công ty A đã bán cho HTX Th, gây thiệt hại quyền lợi của bên tham gia bảo hiểm.

Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty cổ phần Bảo hiểm A phải có trách nhiệm chi trả bồi thường thiệt hại tài sản của bên thứ ba trong vụ tai nạn nêu trên cho Hợp tác xã dịch vụ vận tải Th với số tiền 100.000.000 đồng. Yêu cầu chi trả bồi thường một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn – Công ty cổ phần Bảo hiểm A trình bày:

Ngày 08/5/2017, HTX Th có mua loại hình bảo hiểm trách nhiệm dân sự bắt buộc cho xe đầu kéo mang biển kiểm soát 61C-206.90 của Bảo hiểm A thông qua chi nhánh T, phí bảo hiểm đã đóng đầy đủ.

Lúc 12 giờ 20 phút ngày 28/10/2017 tài xế xe 61C-206.90 lùi xe vào kho của Công ty Thành Đ để xuống hàng theo hợp đồng vận chuyển đã đựng vào giá kính cường lực và kính thường của kho Thành Đ gây tổn thất. Sự việc đã được báo cho Bảo hiểm A tiến hành giám định cũng như thu thập các hồ sơ, chứng cứ, hình ảnh hiện trường liên quan. Sau khi xem xét hồ sơ yêu cầu bồi thường và các chứng cứ thu thập được, ngày 31/01/2018 Bảo hiểm A đã có công văn 0206/2018/CV-A/BTTT cho ông Cổ Tùng S đại diện chủ xe 61C-206.90 thông báo về việc tổn thất không thuộc phạm vi bảo hiểm đã cấp. Căn cứ hợp đồng mua bán số 127/2016/HĐKT/IND-ThĐ ký ngày 15/7/2016 và biên bản giao nhận hàng hóa ký ngày 28/10/2017 giữa: 1. Công ty cổ phần tập đoàn INDEVCO (bên giao hàng); 2. Công ty TNHH XD Xuân Long – Ninh Bình – xe 61C-206.90 Th (bên vận chuyển); 3. Công ty TNHH SXTMDV Thành Đ (bên nhận hàng). Đây là mối

quan hệ giao dịch theo hợp đồng giữa chủ xe 61C-206.90 và INDEVCO cùng Thành Đ. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh theo hợp đồng ký kết. Căn cứ Điều 5 về phạm vi bồi thường thiệt hại Thông tư 22/2016/TT-BTC ngày 16/02/2016 Quy định quy tắc, điều khoản, biểu phí và mức trách nhiệm bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới thì tổn thất nói trên không thuộc phạm vi được bảo hiểm. Điều 5 Thông tư 22 Quy định phạm vi bồi thường “Thiệt hại ngoài hợp đồng về thân thể, tính mạng và tài sản đối với bên thứ 3 do xe cơ giới gây ra” Công ty A bảo lưu quan điểm từ chối bồi thường.

Công ty bảo hiểm không có trách nhiệm bồi thường thiệt hại vì không nằm trong trường hợp phải bồi thường quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư 22/2016/TT-BTC ngày 16/02/2016 của Bộ Tài Chính quy định về mức trách nhiệm bắt buộc bồi thường của phương tiện xe cơ giới, vì tai nạn xảy ra có thiệt hại nhưng không xuất phát từ hành vi vi phạm pháp luật, không có mối quan hệ nhân quả nên không thuộc trường hợp được bảo hiểm bồi thường. Căn cứ vào Điều 584 Bộ luật Dân sự 2015 và Nghị quyết 03/2006/HĐTP-TANDTC ngày 08/7/2006 hướng dẫn thì vụ việc trên không thuộc phạm vi trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng của Công ty bảo hiểm. Về quyết định số 04/2015/QĐ-A ngày 02/3/2015 Quy định về qui tắc bảo hiểm tự nguyện nên không liên quan đến vụ việc trên.

Nhân viên Công ty A đã thực hiện đúng trình tự thủ tục sau khi nhận được thông báo của hợp tác xã. Phía hợp tác xã và lái xe cũng đã thực hiện đúng trình tự thủ tục thông báo cho Công ty bảo hiểm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Công ty cổ phần Bảo hiểm A – Chi nhánh T xin vắng mặt và có ý kiến: Chi nhánh A T thực hiện khai thác các nghiệp vụ bảo hiểm theo phân cấp của Bảo hiểm A và không được phân quyền giải quyết bồi thường thiệt hại thuộc trách nhiệm bảo hiểm. Việc giải quyết bồi thường do bộ phận bồi thường tập trung của Bảo hiểm A tại Thành phố Hồ Chí Minh đảm nhiệm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – anh Cổ Tùng S có đơn xin vắng mặt và có văn bản trình bày ý kiến như bản tự khai của Hợp tác xã dịch vụ vận tải Th.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Công ty cổ phần sản xuất thương mại dịch vụ Thành Đ xin vắng mặt với lý do vụ tai nạn xảy ra Công ty đã được Hợp tác xã dịch vụ vận tải Th bồi thường xong nên công ty không còn quyền lợi và nghĩa vụ đối với vụ án nêu trên.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 13/2018/KDTM-ST ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh T căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 584, Điều 601 Bộ luật Dân sự; Điều 12, Điều 17, Điều 18, Điều 55 Luật Kinh doanh bảo hiểm; Nghị quyết 03/2006/HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Q hội; Thông tư 22/2016/BTC ngày 16/02/2016 của Bộ Tài chính. Xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Hợp tác xã dịch vụ vận tải Th.

Buộc Công ty cổ phần Bảo hiểm A chi trả bồi thường thiệt hại trách nhiệm dân sự cho Hợp tác xã dịch vụ vận tải Th số tiền 87.330.029 đồng (Tám mươi bảy triệu, ba trăm ba mươi ngàn, không trăm hai mươi chín đồng).

Thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Hợp tác xã dịch vụ vận tải Th có đơn yêu cầu thi hành án nếu Công ty cổ phần Bảo hiểm A không thi hành khoản tiền nêu trên thì phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất qui định tại Điều 306 Luật Thương mại tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 28 tháng 02 năm 2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Công ty cổ phần Bảo hiểm A – Chi nhánh T có đơn kháng cáo đề ngày 16/02/2018 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét bác đơn kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn vắng mặt không rõ lý do. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật. Về thủ tục tố tụng và nội dung của bản án sơ thẩm: Xét đơn kháng cáo của đương sự trong thời gian luật định nên được xem xét; Về quan hệ pháp luật tranh chấp, tòa án sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật; Theo qui định tại Điều 5 của Thông tư số 22/2016/BTC, qui định về phạm vi bồi thường là của Công ty cổ phần bảo hiểm A, và không thuộc trường hợp loại trừ bảo hiểm. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của Công ty cổ phần bảo hiểm A – Chi nhánh T; Về án phí sơ thẩm, bản án sơ thẩm đã xác định sai về án phí sơ thẩm, đề nghị hội đồng xét xử sửa phần án phí sơ thẩm cho phù hợp.

Qua nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kháng cáo của Công ty cổ phần Bảo hiểm A – Chi nhánh T, lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Án sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm” là có căn cứ, đúng pháp luật.

- Đối với nguyên đơn ủy quyền cho anh Cổ Tùng S (theo văn bản ủy quyền ngày 24/6/2019) đã được tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập dự phiên tòa xét xử phúc thẩm nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do; Đối với ông Trương Thành Q – đại diện theo ủy quyền của Công ty cổ phần sản xuất thương mại dịch vụ Thành Đ và anh Cổ Tùng S (tham gia với tư cách người có liên quan) có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự nêu trên theo qui định tại Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Ngày 08/5/2017, Hợp tác xã dịch vụ vận tải Th (HTX Th) có tham gia mua bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của xe ô tô đầu kéo – rơ moóc mang biển kiểm soát 61C-206.90, thời hạn bảo hiểm từ ngày 08/5/2017 đến ngày 08/5/2018 do Công ty cổ phần Bảo hiểm A – Chi nhánh T (Công ty A) bán và cấp giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDP số BB17 0020175 ngày 08/5/2017. Theo nội dung giấy bảo hiểm này thì mức bồi thường trách nhiệm dân sự về tài sản đối với người thứ ba là 100.000.000 đồng/1 vụ. Ngày 28/10/2017 HTX Th có điều xe ô tô đầu kéo – rơ moóc mang biển kiểm soát 61C-206.90 do anh Cổ Tùng S điều khiển giao hàng cho Công ty cổ phần sản xuất thương mại dịch vụ Thành Đ (Công ty Thành Đ). Đến 12 giờ 10 phút, ngày 28/10/2017

anh S đã điều khiển xe về đến nhà kho của Công ty Thành Đ để giao hàng theo hợp đồng vận chuyển, khi anh S lùi xe vào nhà kho để xuống hàng hóa do bất cẩn để phần đuôi xe đụng trực diện vào giá đỡ kính cường lực trong nhà kho, do cú va chạm mạnh làm giá đỡ kính bị đẩy lùi về phía sau đụng vào kiện hàng kính thường làm cho kính cường lực trên giá đỡ và kính thường trong kiện hàng bị vỡ toàn bộ. Tài sản bị thiệt hại trị giá là 124.757.185 đồng. Ngày 01/11/2017 HTX Th đã giao cho ông Cổ Tùng S (Tài xế xe 61C-206.90) số tiền 124.757.185 đồng để bồi thường thiệt hại cho Công ty Thành Đ (BU lục 24). Sau đó HTX Th yêu cầu Công ty cổ phần Bảo hiểm A phải có trách nhiệm bồi thường theo giấy chứng nhận bảo hiểm với mức bồi thường là 100.000.000 đồng, Công ty cổ phần Bảo hiểm A không đồng ý bồi thường và phát sinh tranh chấp. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử buộc Công ty cổ phần Bảo hiểm A phải có trách nhiệm chi trả bồi thường thiệt hại trách nhiệm dân sự cho Hợp tác xã dịch vụ vận tải Th số tiền 87.330.029 đồng. Ngày 16/02/2019 Chi nhánh công ty cổ phần bảo hiểm A T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

[3] Xét nội dung đơn kháng cáo của Chi nhánh công ty cổ phần bảo hiểm A T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hợp đồng bảo hiểm giữa Hợp tác xã dịch vụ vận tải Th và Công ty cổ phần Bảo hiểm A thực tế phát sinh theo giấy chứng nhận bảo hiểm số BB17 0020175 ngày 08/5/2017, thời hạn bảo hiểm từ lúc 09 giờ ngày 08/5/2017 đến 09 giờ ngày 08/5/2018. Thời gian xảy ra sự việc thiệt hại tài sản là ngày 28/10/2017, còn trong thời gian bảo hiểm. Xét thấy, hợp đồng bảo hiểm do hai bên được xác lập ngày 08/5/2017, cấp theo thông tư 22/2016/TT-BTC ngày 16/02/2016 của Bộ Tài chính. Thông tư này đã quy định tại khoản 5, Điều 4 đã giải thích từ ngữ “Bên thứ ba” là người bị thiệt hại về thân thể, tính mạng, tài sản do xe cơ giới gây ra. Căn cứ biên bản hiện trường (BU lục số 30) đã ghi nhận nguyên nhân xảy ra tai nạn “Do gấp xuống hàng để kịp giờ về nên khi lùi xe vào kho bất cẩn đích xe đụng trực diện vào những xe để kính cường lực, làm những xe kính này bị đẩy lùi dẫn đến ngã đổ hoàn toàn lượng kính trên xe và kiện kính kế bên”. Như vậy đã có cơ sở xác định nguyên nhân gây thiệt hại tài sản là lỗi vô ý, cầu thả của tài xế xe đầu kéo – rơ moóc mang biển kiểm soát 61C-206.90 khi lùi xe vào kho của Công ty Thành Đ và chạm với các xe để kính trong kho gây ngã đổ gây thiệt hại, đây là thiệt hại ngoài hợp đồng giữa Hợp tác xã dịch vụ vận tải Th và Công ty Thành Đ với mức thiệt hại là 124.757.185 đồng. Hợp tác xã dịch vụ vận tải Th đã bồi thường đầy đủ cho Công ty Thành Đ. Hợp tác xã dịch vụ vận tải Th có tham gia bảo hiểm trách nhiệm dân sự với Công ty cổ phần Bảo hiểm A với mức trách nhiệm dân sự đối với người thứ ba là 100.000.000 đồng/01 vụ. Như vậy, tòa án cấp sơ thẩm buộc Công ty cổ phần Bảo hiểm A phải có trách nhiệm bồi thường lại cho Hợp tác xã dịch vụ vận tải Th là có cơ sở phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 5 của Thông tư 22/2016/TT-BTC ngày 16/02/2016 của Bộ Tài chính, Điều 12, điểm d khoản 1 Điều 18 của Luật Kinh doanh bảo hiểm. Đáng lẽ ra Công ty cổ phần Bảo hiểm A phải có trách nhiệm bồi thường toàn bộ trị giá phần bảo hiểm là 100.000.000 đồng, nhưng tòa án cấp sơ thẩm xử chỉ buộc bồi thường 87.330.029 đồng là có lợi cho phía Công ty cổ phần bảo hiểm A, sau khi xét xử sơ thẩm thì phía nguyên đơn cũng không kháng cáo về số tiền bồi thường nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Công ty cổ phần Bảo hiểm A-chi nhánh T có đơn kháng cáo cho rằng Công ty cổ phần bảo hiểm A không có trách nhiệm bồi thường là không có cơ sở. Bởi lẽ, xét biên bản sự việc ngày 28/10/2017 thì giữa chủ xe đầu kéo (Nguyên đơn) và Công ty Thành Đ đã phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại tài sản ngoài hợp đồng, do tài xế lùi xe làm hỏng tài sản của Công ty Thành Đ, xe đầu kéo có mua bảo hiểm tài sản trách nhiệm đối với người thứ ba, nên Công ty bảo hiểm phải có trách nhiệm bồi thường theo khoản 1 Điều 5 của Thông tư

22/2016/TT-BTC. Hơn nữa, tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn là Công ty cổ phần Bảo hiểm A phải bồi thường, Công ty cổ phần Bảo hiểm A không kháng cáo bản án mà chỉ nhánh Công ty lại kháng cáo, cũng không đưa ra chứng cứ gì chứng minh.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án phía bị đơn cũng không có chứng cứ gì chứng minh về các trường hợp loại trừ trách nhiệm bồi thường theo qui định tại Điều 12 của Thông tư 22/2016/TT-BTC:

Điều 12. Loại trừ bảo hiểm

Doanh nghiệp bảo hiểm không bồi thường thiệt hại đối với các trường hợp sau:

- 1. Hành động cố ý gây thiệt hại của chủ xe, lái xe hoặc của người bị thiệt hại.***
- 2. Lái xe gây tai nạn cố ý bỏ chạy không thực hiện trách nhiệm dân sự của chủ xe, lái xe cơ giới.***
- 3. Lái xe không có Giấy phép lái xe hoặc Giấy phép lái xe không phù hợp đối với loại xe cơ giới bắt buộc phải có Giấy phép lái xe. Trường hợp lái xe bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe có thời hạn hoặc không thời hạn thì được coi là không có Giấy phép lái xe.***
- 4. Thiệt hại gây ra hậu quả gián tiếp như: giảm giá trị thương mại, thiệt hại gắn liền với việc sử dụng và khai thác tài sản bị thiệt hại.***
- 5. Thiệt hại đối với tài sản bị mất cắp hoặc bị cướp trong tai nạn.***
- 6. Chiến tranh, khủng bố, động đất.***
- 7. Thiệt hại đối với tài sản đặc biệt bao gồm: vàng, bạc, đá quý, các loại giấy tờ có giá trị như tiền, đồ cổ, tranh ảnh quý hiếm, thi hài, hài cốt.***

Như vậy, xét kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Công ty cổ phần Bảo hiểm A – Chi nhánh T là không có cơ sở, không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên “Nếu Công ty cổ phần Bảo hiểm A không thi hành khoản tiền nêu trên còn phải chịu lãi theo mức lãi suất qui định tại Điều 306 của Luật Thương mại” là không chính xác. Bởi lẽ khi xác lập hợp đồng bảo hiểm thì các bên cũng không có thỏa thuận lãi suất, nên cần điều chỉnh lại cho phù hợp theo hướng chịu lãi suất chậm trả theo qui định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[5] Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Tòa án sơ thẩm buộc Công ty cổ phần Bảo hiểm A phải chịu 4.366.501 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là có căn cứ, đúng pháp luật. Tuy nhiên, buộc bị đơn phải chịu 633.498 đồng là không phù hợp với Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14. Bởi lẽ, căn cứ bản án sơ thẩm thì nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải bồi thường số tiền 100.000.000 đồng, tòa án sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả số tiền 87.330.029 đồng. Như vậy, yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận với số tiền 12.669.971 đồng. Đây là vụ án kinh doanh thương mại có giá ngạch, nguyên đơn không được chấp nhận yêu cầu khởi kiện với số tiền 12.669.971 đồng là nhỏ hơn 60.000.000 đồng (Theo danh mục án phí lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016), nên phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm với số tiền là 3.000.000 đồng và sửa bản án sơ thẩm.

- Án phí phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm theo qui định.

[6] Xét ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 296 khoản 2 Điều 308 , Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 468, Điều 584, Điều 601 Bộ luật Dân sự; Điều 12, Điều 17, Điều 18, Điều 55 Luật Kinh doanh bảo hiểm; Thông tư 22/2016/BTC ngày 16/02/2016 của Bộ Tài chính.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty cổ phần Bảo hiểm A – Chi nhánh T.

- Sửa một phần bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 13/2018/KDTM-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh T về phần án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và nghĩa vụ chậm thi hành án.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Hợp tác xã dịch vụ vận tải Th.

- Buộc Công ty cổ phần Bảo hiểm A chi trả bồi thường thiệt hại trách nhiệm dân sự cho Hợp tác xã dịch vụ vận tải Th số tiền 87.330.029 đồng (Tám mươi bảy triệu, ba trăm ba mươi ngàn, không trăm hai mươi chín đồng). Thực hiện trả tiền khi án có hiệu lực pháp luật.

- Kể từ ngày Hợp tác xã dịch vụ vận tải Th có đơn yêu cầu thi hành án nếu Công ty cổ phần Bảo hiểm A chậm thi hành khoản tiền nêu trên thì phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất qui định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí :

- Hợp tác xã vận tải Th phải chịu 3.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 2.500.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012738 ngày 20/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, T nên phải nộp tiền số tiền 500.000 đồng .

- Công ty cổ phần Bảo hiểm A – Chi nhánh T không phải chịu án phí phúc thẩm, được hoàn lại số tiền 2.000.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0013837 ngày 28/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, tỉnh T xem như đã nộp xong phần án phí phúc thẩm.

- Công ty cổ phần Bảo hiểm A phải chịu 4.366.501 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh T;
- TAND thành phố Mỹ Tho, TG;
- CCTHADS thành phố Mỹ Tho, TG;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Văn Đạt